

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 17-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn;
2. Ông Nguyễn Quang Kim.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1996; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị T - sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không; vợ, con: Chưa có; bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Người bị hại: Đồng Văn K - sinh năm 1997 (có mặt).

Trú quán: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1986 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Dương Văn C - sinh năm 1998 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H- sinh 1996, trú quán: Thôn Đ- xã Đ- huyện Y- tỉnh Bắc Giang và anh Đồng Văn K- sinh năm 1997, trú quán: thôn T- xã T- huyện Y- tỉnh Bắc Giang quen biết và chơi với nhau từ trước.

Khoảng 12 giờ ngày 08/11/2016, anh K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 98B2-481.16 đến ngã tư Đ- huyện V chơi thì gặp H, cả hai rủ nhau thuê nhà nghỉ để nghỉ trưa đến chiều đi lên tỉnh Lạng Sơn chơi. Sau đó, K điều khiển xe chở H đến nhà nghỉ H ở thôn H - xã H- huyện V thuê phòng nghỉ trưa. Thuê phòng xong, do không có tiền chi tiêu cá nhân, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của K mang đi cầm lấy tiền chi tiêu cá nhân. H nói dối anh K cho mượn xe đi ra ngoài có chút việc rồi đem xe quay lại trả, anh K đồng ý đưa chìa khóa xe cho H mượn. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe đến thị trấn B- huyện V tìm chỗ cầm xe nhưng không được. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H điều khiển xe đến cửa hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1986, ở thôn H- xã H- huyện V để cầm xe thì anh Đ yêu cầu phải có đăng ký xe mới cầm. Lúc này, H đi ra cửa quán gọi điện cho anh K nói dối xe bị Công an huyện Việt Yên bắt giữ bảo đưa đăng ký xe cho H để lấy xe ra, anh K đồng ý. Sau đó, H gọi điện cho anh Lê Xuân H- sinh năm 1972, trú quán: thôn M- xã H- huyện Việt Yên đang lái xe taxi ở ngã tư Đ đi xe đến nhà nghỉ H gặp K cầm đăng ký xe mô tô của anh K đưa cho H rồi H cầm đăng ký xe mô tô của anh K vào trong hiệu cầm đồ đưa cho anh Đ nói dối là xe mua lại của anh K và nói dối mình tên là Dương Văn C- sinh năm 1998, trú quán: thôn N- xã N- huyện L- tỉnh Bắc Giang đồng thời đưa chứng minh nhân dân của anh C (*do trước đó anh C gửi người yêu là chị Bùi Thị Th- sinh năm 2001, ở chợ H- phường L- thị xã P- tỉnh Hà Nam cầm hộ sau đó chị Th lại gửi H cầm hộ*) cho anh Đ kiểm tra. Anh Đ kiểm tra xe và giấy tờ xong, đồng ý cầm xe cho H trong thời hạn 02 ngày với số tiền 27.000.000đồng rồi viết giấy cầm đồ đưa cho H ký đồng thời giữ lại đăng ký xe và chứng minh nhân dân làm tin. Cầm xe mô tô xong H bỏ trốn khỏi địa phương, ăn tiêu hết số tiền cầm xe đến ngày 03/9/2017 thì bị Công an huyện Việt Yên bắt giữ theo quyết định truy nã. Sau khi cầm chiếc xe mô tô trên, khoảng 05 ngày sau, không thấy H đến chuộc xe nên anh Đạt đã bán lại xe mô tô cùng đăng ký xe cho người không quen biết được 30.000.000đồng.

Ngày 08/12/2016, anh K làm đơn trình báo hành vi chiếm đoạt tài sản của H đến Công an huyện Việt Yên.

Ngày 11/12/2016, Công an huyện Việt Yên đã thu giữ của anh Đạt: 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Văn C và 01 giấy cầm đồ mang tên người cầm xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 98B2-481.16 là Dương Văn C.

Ngày 23/01/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận: Chiếc xe mô tô Excenter, biển kiểm soát 98B2-481.16 trị giá 32.000.000đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Ngày 28/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên ra quyết định trưng cầu giám định số 300 đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết và chữ ký “C - Dương Văn C” trong giấy cầm đồ thu giữ có phải của H viết và ký không.

Ngày 06/10/2017, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang có kết luận giám định số 1504/KL-PC54, kết luận: chữ viết và chữ ký: C - Dương Văn C” trong giấy cầm đồ Công an thu giữ của anh Đ do H viết và ký tên.

Quá trình điều tra, bị cáo H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Anh C đề nghị nhận lại chứng minh nhân dân của mình.

Anh K yêu cầu H bồi thường 32.000.000đồng là trị giá chiếc xe mô tô bị mất ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác

Tại bản Cáo trạng số 04/KSĐT ngày 15/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội không oan. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng truy tố và luận tội đối với bị cáo. Đồng thời đánh giá vai trò của bị cáo, động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Đồng Văn K 32.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- + Trả lại cho anh Dương Văn C: 01 CMND mang tên Dương Văn C.
- + Truy thu sung công quỹ nhà nước của anh Nguyễn Văn Đ: 3.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn cho bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 04/KSĐT ngày 15/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội không oan.

Do không có tiền chi tiêu cá nhân, khoảng 12 giờ ngày 08/11/2016, tại nhà nghỉ H ở thôn H - xã H- huyện V- tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh K chiếc xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 98B2-481.16 trị giá 32.000.000đồng rồi đem đến cửa hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1986, ở thôn H - xã H- huyện V thế chấp lấy 27.000.000đồng sau đó bỏ trốn khỏi địa phương và ăn tiêu hết số tiền cầm xe.

Xét tính chất của hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật; bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Với hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi được phân tích và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt theo Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cần phân tích đánh giá như sau:

** Xét về nhân thân bị cáo:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

** Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

** Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo là có căn cứ. Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qua phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, không có nghề nghiệp và có tài sản gì đáng giá nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với xe mô tô và đăng ký xe của anh K, anh Đ khai bán cho người không quen biết nên Cơ quan CSĐT- Công an huyện Việt Yên không thu giữ được để trả cho bị hại.

Đối với chiếc điện thoại di động H dùng gọi điện cho anh H và K để lấy đăng ký xe mô tô, bị cáo khai đánh rơi mất, không biết rơi ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không thu giữ được.

Đối với anh Đạt khi nhận thể chấp xe của H không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Anh H khi cầm hộ đăng ký xe của anh K đưa cho H, Không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Chị Th và anh C không biết bị cáo sử dụng chứng minh thư nhân dân của anh C vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Đồng Văn K yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe bị mất là 32.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường bất cứ khoản tiền gì cho anh K. HĐXX xét thấy yêu cầu của người bị hại là phù hợp nên cần áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Đồng Văn K số tiền 32.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Văn C là tài sản của anh Công và anh Công không biết bị cáo sử dụng chứng minh thư nhân dân của anh Công vào việc phạm tội cần áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại cho anh Công là có căn cứ.

Ngoài ra cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 để truy thu sung công quỹ nhà nước của anh Đạt 3.000.000đồng là tiền chênh lệch do bán xe máy Exciter mà có.

Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn cho bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Đồng Văn K 32.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trả lại cho anh Dương Văn C: 01 CMND mang tên Dương Văn C.

+ Truy thu sung công quỹ nhà nước của anh Nguyễn Văn Đ: 3.000.000 đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn cho bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 15%/năm (theo sự thỏa thuận của các bên) hoặc 10%/năm (các bên không thỏa thuận được về lãi suất) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,8 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- T.H.A.;
- Lưu HS.VP;
- Công an huyện Việt Yên;
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông